TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N TỈNH KHÁNH HÒA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 214/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 11 - 2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH KHÁNH HÒA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Rực

Các Hội thẩm nhân dân:

. Ông Nguyễn Xuân Vinh.

. Bà Nguyễn Thị Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1034/2018/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 209/2018/QĐXX-ST ngày 23 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

***** *Nguyên đơn*: **Lê Thị Bích T**– sinh năm 1980; ĐKHKTT: 103 GVC, thôn LS, xã VL, thành phố N, Khánh Hòa; địa chỉ liên lạc: 46 NPS, phường VH, thành phố N, Khánh Hòa. Có mặt.

***** *Bị đơn*: **Huỳnh Bửu K**– sinh năm 1972; địa chỉ: 103 GVC, thôn LS, xã VL, thành phố N, Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Bích T trình bày: Tôi yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Bửu K. Tôi và anh K tự nguyện kết hôn năm 2010, đăng ký kết hôn tại UBND xã VL, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Chúng tôi có một con chung là Huỳnh Lê Thu Tr- sinh ngày 15/12/2014. Cuộc sống chung thời gian đầu hạnh phúc nhưng từ năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi lộn, không cùng quan điểm sống, anh K sống không có trách nhiệm với vợ, con. Tôi góp ý, khuyên giải nhiều nhưng anh K không sửa đổi, tôi phải đưa con về ngoại sống hai năm nay, tuy hai nhà gần nhau nhưng tôi và con không nhận được sự quan tâm, thăm hỏi của anh K. Nay nhận thấy cuộc sống chung

không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn, tôi yêu cầu ly hôn. Về con chung, tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì từ nhỏ đến giờ cháu luôn sống cùng tôi, tôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chúng tôi không có tài sản chung và không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là ông Huỳnh Bửu K để lấy lời khai, tham gia hòa giải nhưng ông K đều không có mặt để làm việc theo giấy triệu tập của Tòa nên Tòa án không lấy được lời khai của ông K và cũng không hòa giải được vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Huỳnh Bửu K là bị đơn đã được Tòa án nhân dân thành phố N triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Huỳnh Bửu K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Mặc dù không lấy được lời khai của bị đơn là ông Huỳnh Bửu K và tại phiên tòa bị đơn cũng vắng mặt nhưng theo lời khai của nguyên đơn thì bà T và ông K kết hôn tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã VL, thành phố N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 77/2014, quyển số 01/2014 ngày 17 tháng 7 năm 2014. Nên quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Bích T và ông Huỳnh Bửu K được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa bà T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Bửu K. Xét lời khai của bà T thì cuộc sống chung vợ chồng giữa bà T, ông K có nhiều mâu thuẫn và không tìm được phương pháp nào để tiếp tục sống chung với nhau nữa. Theo bà T thì do ông K sống không có trách nhiệm với vợ con, không chịu làm ăn, phó mặc cho vợ việc nuôi dạy con cũng như chăm lo cuộc sống gia đình. Mặc dù bà T đã khuyên nhủ nhiều nhưng ông K không thay đổi, bà T đã phải đưa con về nhà ngoại sống cả hai năm nay, hiện hai người không sống cùng nhau, điều này được chính quyền địa phương xác nhận. Nhận thấy không thể có hạnh phúc với người chồng như vậy, tình cảm không còn nên bà T yêu cầu ly hôn. Như vậy mâu thuẫn giữa bà T, ông K đã đến hồi trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, ông K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết việc ly hôn giữa hai người nhưng ông K đều không có mặt để làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án. Điều đó chứng tỏ ông K không quan tâm gì đến cuộc hôn nhân này nữa. Việc bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Huỳnh Bửu K là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của bà T.

[3] Về con chung: Vợ chồng bà T, ông K có một con chung, theo bà T thì cháu hiện đang sống cùng mẹ. Do vậy yêu cầu của bà T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến tuổi thành niên là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con, bà T không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Bà T xác định tài sản chung không có và xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị đơn ông Huỳnh Bửu K đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều không đến Tòa án để trình bày ý kiến về việc kiện của nguyên đơn và Tòa án cũng không hòa giải được vụ án. Vì vậy không có cơ sở để giải quyết yêu cầu của ông Huỳnh Bửu K.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị Bích T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Bà Lê Thị Bích T được ly hôn với ông Huỳnh Bửu K.

- Giao con chung là Huỳnh Lê Thu Tr- sinh ngày 15/12/2014 cho bà Lê Thị Bích T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên, bà T không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Ông Huỳnh Bửu K được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết bà T, ông K đều có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung cũng như cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Lê Thị Bích T xác định tài sản chung không có, nợ chung không có nên Tòa không xét.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Bích T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà T đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0009523 ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N. Bà Lê Thị Bích T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án, để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
. Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
. Viện kiểm sát nhân dân Tp.N;
. UBND xã VL, Tp.N;
(Đăng ký kết hôn ngày 17/7/2014);
. Thi hành án dân sự Tp.N;
. Đương sự;
. Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trọng Rực